

Bản án số: 58/2022/KDTM-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh-Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-KDTM ngày 11/6/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2022/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty H.

Địa chỉ trụ sở: đường C, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Quốc Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: đường O, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số ngày 16/6/2021). (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty P.

Địa chỉ trụ sở: đường P, khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lương L, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường P, khu phố D, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty H và Công ty P có ký hợp đồng mua bán số: 30/2019/HĐMB/VH ngày 02/01/2019, theo hợp đồng thì Công ty H đã bán sắt, thép cho Công ty P, sau nhiều lần mua bán thì đến ngày 08/8/2019 hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, theo bảng đối chiếu công nợ thì Công ty P còn nợ Công ty H tổng cộng 525.662.451 đồng. Tính đến ngày 08/8/2019 thì Công ty H đã xuất nhiều hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P nên sau khi đối chiếu công nợ thì Công ty H đã xuất nốt 2 hóa đơn giá trị gia tăng số 0001406 ngày 16/8/2019 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0001849 ngày 17/9/2019 cho Công ty P. Do hai bên có quan hệ làm ăn lâu dài nên Công ty H đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Công ty P, sau đó mới yêu cầu Công ty P thanh toán. Tuy nhiên, sau nhiều lần làm việc và yêu cầu thanh toán số tiền mua hàng còn nợ nêu trên nhưng Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền hàng còn nợ là 525.662.451 đồng.

2. *Bị đơn - Công ty P*: Nguyên đơn đã gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Công ty H khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty P; địa chỉ trụ sở: đường P, khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện trên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Công ty H yêu cầu Công ty P trả số tiền mua hàng còn nợ là 525.662.451 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện Công ty H và Công ty P có ký hợp đồng mua bán số: 30/2019/HĐMB/VH ngày 02/01/2019, theo hợp đồng thì Công ty H đã bán sắt, thép cho Công ty P; thời hạn thanh toán tiền ngay khi nhận hàng hoặc theo thỏa thuận của từng đơn đặt hàng. Xét hợp đồng mua bán nêu trên đảm bảo về mặt hình thức, phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, nội dung hai bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 11 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005.

[7] Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn đã giao hàng và xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn theo bảng xác nhận công nợ ngày 08/8/2019, tại bảng xác nhận công nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 525.662.451 đồng. Theo nguyên đơn thì từ khi xác nhận công nợ ngày 08/8/2019 đến nay, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ, hồ sơ cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ nêu trên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hàng còn nợ nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

[8] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 525.662.451 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[10] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

[11] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[12] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 525.662.451 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11, Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H:

Buộc Công ty P phải trả cho Công ty H số tiền là 525.662.451 đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty P phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.026.498 (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng).

- Công ty H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 12.513.249 (Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0042678 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty H, Công ty P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương